TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2023/DS-PT
Ngày: 26-9-2023
V/v: *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn
Các thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ
Ông Nguyễn Trung Hưng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Đức Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2023/QĐ-PT ngày 22/02/2023, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 146/2023/QĐ-PT ngày 22/3/2023, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 203/2023/QĐ-PT ngày 11/4/2023, thông báo mở lại phiên tòa số 721/TB-TA ngày 14/8/2023, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 472/2023/QĐ-PT ngày 29/8/2023, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 511/2023/QĐ-PT ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trần Quang Đ, sinh năm 1967.
Địa chỉ: số 170, đường TP, khu phố 3, phường XA, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Trần Lệ H, sinh năm 1966.
Địa chỉ: số 03, đường ND, phường XA, thành phố LK, Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: số 99 Quang Trung, khu phố 1, phường XH, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2023)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1958.

Địa chỉ: số 72/17 đường TP, khu phố 1, phường XA, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Ông Trần Quang Đ1, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 07 đường ND, khu phố 1, phường XA, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Ông Trần Quang Đ2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 58, đường HBT, phường XH, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

3.4. Ông Trần Quang Đ3, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số 03 đường ND, khu phố 1, phường XA, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

3.5. Anh Trần Đ4, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ 4, khối PT, phường CĐ, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam.

3.6. Ông Trần Thế H, sinh năm 1962.

3.7. Chị Trần Thị Thùy D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số 02C, đường NVC, khu phố 1, phường XA, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 396, đường Lê A, ấp 3, xã BL, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

3.8. Anh Trần Thiện T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 02C, đường NVC, khu phố 1, phường XA, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ, anh T, chị D: Ông Trần Thế H, sinh năm 1962. (Văn bản ủy quyền ngày 09/11/2020)

3.9. Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1985.

3.10. Chị Nguyễn Ngọc Nguyên S, sinh năm 1999.

3.11. Anh Trần Vĩnh N1, sinh năm 1994.

3.12. Chị Trần Châu Thụy N2, sinh năm 1997.

3.13. Cháu Nguyễn Thiên A, sinh năm 2019.

Đại diện theo pháp luật của cháu A: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1985. (cha ruột)

Cùng địa chỉ: số 03, đường ND, phường XA, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

3.14. Anh Trần Gia H, sinh năm 2003.

Địa chỉ: số 170, đường TP, khu phố 3, phường XA, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Quang Đ, bị đơn bà Trần Lệ H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Đ1, ông Trần Quang Đ2, bà Trần Thị Ngọc Y.

(Ông Đ, bà H, ông Q, bà Y , ông Đ1, ông Đ2, ông Đ3, anh N có mặt tại phiên tòa; ông H, chị S, anh N1, chị N2, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Quang Đ có bà Đoàn Thị D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ ông Đ là cụ Trần Văn Q và cụ Châu Thị Z, có 7 người con ruột gồm Trần Thị Ngọc Y, Trần Thị Kiều O, Trần Quang Đ1, Trần Quang Đ2, Trần Lệ H, Trần Quang Đ3 và Trần Quang Đ. Cụ Z chết năm 1996, cụ Q chết năm 2017, cha mẹ của hai cụ đều đã chết trước đó, hai cụ không có cha mẹ nuôi, con riêng và con nuôi. Khi cụ Q chết thì chỉ còn 06 người con ruột còn sống, bà Trần Thị Kiều O đã chết năm 2005.

Cha mẹ ông để lại di sản là đất tại thửa số 124, tờ bản đồ số 3 phường XA, thành phố LK và căn nhà xây trên đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 934517 ngày 30/9/2008 cấp cho hộ ông Trần Văn Q, cha mẹ ông không lập di chúc và không có nghĩa vụ dân sự gì phải thực hiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha mẹ cho 07 người con, mỗi người được một kỷ phần thừa kế, nguyên đơn nhận thừa kế bằng tiền còn việc giao đất và nhà cho ai trong các đồng thừa kế thì nguyên đơn sẽ có ý kiến sau.

+ Theo án sơ thẩm, bị đơn bà Trần Lệ H trình bày:

Bà Trần Lệ H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chết của cha mẹ, hàng thừa kế và việc bà O chết trước cụ Q.

Bà cũng thống nhất tài sản là đất tại thửa số 124, tờ số 3 phường XA và căn nhà xây trên đất là di sản của cha mẹ nhưng cho rằng cụ Z có lập di chúc. Bà H yêu cầu chia ½ nhà đất tại thửa 124, tờ số 3 phường XA để dùng vào việc thờ cúng và thuộc đồng sở hữu chung của các đồng thừa kế. ½ di sản còn lại chia đều cho 07 người con, bà xin nhận hiện vật và thanh toán tiền cho các đồng thừa kế còn lại.

Ngày 05/5/2021, bà H gửi cho Tòa án tài liệu là di chúc của cụ Châu Thị Z lập ngày 01/02/1996, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết phần di sản của cụ Z được thực hiện theo di chúc, phần di sản của cha chia đều cho 07 đồng thừa kế, bà xin nhận di sản là hiện vật nhà, đất và thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho những người còn lại.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Đ2, ông Trần Quang Đ1, bà Trần Thị Ngọc Y trình bày: Các ông bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế H trình bày: ông và bà Trần Thị Kiều O kết hôn với nhau vào năm 1981, đến năm 1990 mới đăng ký kết hôn. Ông bà có 03 con ruột là Trần Đ4, Trần Thị Thùy D, Trần Thiện T. Cụ Z chết năm 1996 nhưng chưa chia thừa kế của cụ, đến năm 2005 thì bà O chết không để lại

di chúc. Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Z theo quy định pháp luật thì ông đồng ý, ông từ chối nhận thừa kế trong kỷ phần thừa kế bà O được nhận từ cụ Z và giao cho anh Đ4, anh T, chị D được quyền sở hữu, sử dụng.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đ4, chị Trần Thị Thùy D, anh Trần Thiện T do ông Trần Thế H làm đại diện trình bày: anh chị là con ruột của bà Trần Thị Kiều O và ông Trần Thế H, thời điểm cụ Q (ông ngoại) chết vào năm 2017 thì mẹ của anh chị đã chết trước đó (năm 2005). Các anh chị được thừa kế đối với kỷ phần thừa kế của mẹ nhận từ ông ngoại, đồng ý nhận phần của cha được thừa kế từ mẹ và sẽ tự thỏa thuận phân chia đối với kỷ phần thừa kế được nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Gia H trình bày: anh không đóng góp cũng không có quyền sử dụng trong tài sản là nhà và đất tại thửa 124, tờ số 3 phường XA. Đối với nội dung tranh chấp anh thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Đ3, anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Ngọc Nguyên S, anh Trần Vĩnh N1, chị Trần Châu Thụy N2, cháu Nguyễn Thiên A do cha ruột là anh N đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 87, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 630, 634, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 99 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang Đ về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Châu Thị Z.

- Di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Châu Thị Z là đất thuộc thửa số 124, tờ 3 phường XA, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 934517 ngày 30/9/2008 cấp cho hộ ông Trần Văn Q và căn nhà trên đất.

- Chia cho bà Trần Lệ H được quyền sử dụng diện tích đất 206,4m^2 thuộc thửa 124, tờ số 3 phường XA và quyền sở hữu căn nhà số 03 tọa lạc trên thửa đất (là phần đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,17,6,11,16,1 tại bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 1364/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh LK).

- Buộc bà Trần Lệ H phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế như sau:

+ Thanh toán cho bà Trần Thị Ngọc Y số tiền 2.316.889.285,714 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Thanh toán cho ông Trần Quang Đ1 số tiền 2.316.889.285,714 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Thanh toán cho ông Trần Quang Đ2 số tiền 2.316.889.285,714 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Thanh toán cho ông Trần Quang Đ số tiền 2.316.889.285,714 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Thanh toán cho ông Trần Quang Đ3 số tiền 2.316.889.285,714 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Thanh toán cho anh Trần Đ4, anh Trần Thiện T và chị Trần Thị Thùy D số tiền 2.116.664.285,714 (Hai tỷ một trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

Anh Đ4, anh T và chị D tự thỏa thuận phân chia đối với giá trị di sản thừa kế được nhận.

- Buộc ông Trần Quang Đ3, anh Trần Vĩnh N1, chị Trần Châu Thụy N2, anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Ngọc Nguyên S, cháu Nguyễn Thiên A phải di dời ra khỏi căn nhà số 03 và đất thửa số 124, tờ số 03 phường XA để bà Trần Lệ H thực hiện quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản được chia.

- Bà Trần Lệ H có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với tài sản được chia thừa kế theo bản án của Tòa án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 09/9/2022, nguyên đơn ông Trần Quang Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Đ2, Trần Quang Đ1, bà Trần Thị Ngọc Y kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng người thừa kế của bà Trần Thị Kiều O chỉ được hưởng phần di sản của cụ Châu Thị Z để lại.

- Ngày 04/10/2022 bị đơn bà Trần Lệ H kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng xác định di sản thừa kế là của cụ

Trần Văn Q và cụ Châu Thị Z, công nhận di chúc của cụ Châu Thị Z là đúng quy định pháp luật theo Bộ luật dân sự năm 1995.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm đơn kháng cáo đúng quy định pháp luật nên được xem xét.

- Về đường lối giải quyết:

Nguyên đơn ông Đ, bị đơn bà H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ2, ông Đ1, bà Y kháng cáo nhưng không cung cấp được cứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đề nghị giao di sản thừa kế là nhà, đất tại thửa số 124, tờ số 3 phường XA cho người khác quản lý sử dụng, bà xin nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền và ông Đ2, ông Đ1 đồng ý nhận di sản thừa kế và có trách nhiệm thanh toán lại các đồng thừa kế khác giá trị di sản là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cho ông Đ2, ông Đ1 di sản thừa kế và liên đới chịu trách nhiệm thanh toán lại các đồng thừa kế khác giá trị kỷ phần.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang Đ, bị đơn bà Trần Lệ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Đ2, ông Trần Quang Đ1, bà Trần Thị Ngọc Y làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông H, chị S, anh N1, chị N2, anh H đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết, áp dụng pháp luật, đương sự trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[4] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Đ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Z, cụ Q để lại là diện tích đất thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 03 tại phường XA, thành phố LK và căn nhà trên đất cho 07 người con, mỗi người được một kỷ phần thừa kế, về phía bị đơn bà H không đồng ý và cho rằng cụ Z có lập di chúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết phần di sản của cụ Z được thực hiện theo di chúc là chia cho bà được hưởng ½ nhà đất tại thửa số 124, tờ số 3 phường XA, ½ di sản còn lại chia đều cho 07 người con, bà xin nhận hiện vật và thanh toán tiền cho các đồng thừa kế còn lại.

+ Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Lệ H:

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà H cung cấp 01 tờ giấy viết tay lập ngày 01/02/1996 và cho rằng là di chúc hợp pháp của cụ Z nên yêu cầu được nhận ½ tài sản nhà, đất thuộc thửa số 124, tờ số 3 phường XA là di sản của cụ Z đã di chúc cho bà được quyền sử dụng.

Về phía ông Đ, ông Đ2, bà Y, ông Đ1 không đồng ý và cho rằng chữ viết, chữ ký trong tài liệu bà H giao nộp không phải của cụ Z, lúc cha mẹ còn sống cho đến khi phát sinh tranh chấp đều không nghe bà H nói là có di chúc, các ông bà không được biết tài liệu này cho đến khi khởi kiện tại Tòa án LK.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các đương sự xác định không cung cấp đươc mẫu chữ viết, chữ ký của cụ Z nên không yêu cầu giám định. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/4/2023 bà H có đơn yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ viết, chữ ký của cụ Z để thực hiện việc giám định nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa, tuy nhiên không thu thập được mẫu chữ viết, chữ ký của cụ Z nên bà H đã rút đơn yêu cầu giám định chữ ký.

Do không giám định được chữ viết, chữ ký của cụ Z nên việc ông Đ, ông Đ2, bà Y, ông Đ1 cho rằng chữ viết, chữ ký trong tờ giấy viết tay lập ngày 01/02/1996 không phải của cụ Z là không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên qua xem xét tờ giấy viết tay lập ngày 01/02/1996 thể hiện, về hình thức và nội dung không rõ ràng, không đúng quy định pháp luật về di chúc. Di chúc viết tay không đúng thể thức văn bản, không tiêu đề, không có họ tên người lập, không có họ tên người làm chứng, chỉ ghi chung chung và không đầy đủ các nội dung chính như di sản để lại là gì, nơi có di sản, không thể hiện rõ là cho bà H được ở trong căn nhà trên đất hay cho bà H được thừa kế căn nhà, đề cập đến nhà mà không ghi nhận diện tích đất có nhà, nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng cụ Z, cụ Q nhưng trong di chúc chỉ có ý kiến và chữ ký cụ Z, không thể hiện ý kiến của cụ Q, trường hợp chỉ di chúc phần tài sản của cụ Z thì lại không thể hiện rõ ½ diện tích nhà đất cụ thể được di chúc cho bà H.

Nội dung di chúc không ghi nhận tinh thần, nhận thức của người lập di chúc có minh mẫn, sang suốt không, không thể hiện cụ Z tự viết hay nhờ người khác viết, trong khi một số đương sự thì cho rằng đây không phải là chữ viết, chữ ký của cụ Z. Mặt sau của di chúc có xác nhận của người làm chứng nhưng điều này chỉ cần thiết trong trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc. Di chúc không ghi nhận họ tên, địa chỉ người làm chứng, không xác định họ đủ điều kiện để làm chứng hay không, ký vào mặt sau của di chúc nhưng không ghi rõ ngày ký, do phần nội dung không ghi nhận nên không thể xác định họ có mặt, ký cùng thời điểm hay sau khi lập di chúc.

Đồng thời người làm chứng xác nhận nội dung cụ Q đồng ý cho cụ Z lập di chúc, trong khi thời điểm lập di chúc cụ Q còn sống là không đúng với yêu cầu người làm chứng vì theo quy định thì người làm chứng chỉ phải xác định người lập di chúc đã ký hoặc điểm chỉ vào di chúc trước mặt những người làm chứng, xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Trong hai người làm chứng thì có bà Phi là người không biết chữ vì bà chỉ gạch dấu thập và điểm chỉ chứ không ký ghi họ tên, quá trình giải quyết vụ án thì những người làm chứng không đến Tòa án làm việc, chỉ gửi bản tường trình cho Tòa án xác định có ký làm chứng trong di chúc của cụ Z.

Mặt khác bản thân bà H khi tự khai và được Tòa án lấy lời khai vào ngày 02/10/2020 cũng không đề cập việc có di chúc, vẫn đề nghị phương án chia thừa kế đối với toàn bộ di sản của cha mẹ. Đến ngày 14/12/2020, khi Tòa án lấy lời khai đối chất thì bà H mới khai cụ Ý có di chúc, sau đó giao nộp cho Tòa án và có ý kiến được nhận phần di sản của cụ Z đã di chúc cho bà.

Từ những phân tích ở trên xét thấy, cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá về hình thức và nội dung của tờ giấy viết tay lập ngày 01/02/1996 và giải quyết không chấp nhận giấy viết tay lập ngày 01/02/1996 là di chúc hợp pháp của cụ Z là có căn cứ, do đó kháng cáo của bà H là không có cơ sở nên không chấp nhận.

+ Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Đ2, Trần Quang Đ1, bà Trần Thị Ngọc Y:

Qua chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, các đương sự khai thống nhất, cụ Z chết năm 1996, cụ Q chết năm 2017. Hai cụ có 07 người con ruột là Trần Thị Ngọc Y, Trần Thị Kiều O, Trần Quang Đ1, Trần Quang Đ2, Trần Lệ H, Trần Quang Đ3 và Trần Quang Đ. Thời điểm 02 cụ chết thì cha mẹ của hai cụ đều đã chết trước đó, không có cha mẹ nuôi, không có con riêng và con nuôi, không để lại nghĩa vụ tài sản phải thực hiện.

Khi cụ Z chết thì 07 người con ruột đều còn sống, thời điểm cụ Q chết thì bà O đã chết trước cụ Q (bà O chết năm 2005).

Cấp sơ thẩm xác định nhà và đất thuộc thửa số 124, tờ bản đồ 03 phường XA không phải là tài sản của hộ ông Trần Văn Q mà là tài sản chung của vợ chồng cụ Q và cụ Z, nên đây là di sản của cụ Q, cụ Z để lại là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

Cụ Q và cụ Z chết không để lại di chúc, tài liệu được cho là di chúc thì không hợp pháp như đã phân tích ở trên nên di sản thừa kế của cụ Q, cụ Z được chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thứ nhất, cụ thể:

- Cụ Z chết ngày 21/7/1996, di sản của cụ Z là ½ tài sản nhà và đất tại thửa số 124, tờ số 03 phường XA, thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ Z thì hàng thừa thế thứ nhất gồm có cụ Q và 07 người con ruột, nên di sản của cụ Z được chia thành 08 phần, chia cho cụ Q, bà Y, bà O, ông Đ1, ông Đ2, bà H, ông Đ và ông Đ3 mỗi người được một phần.

- Ngày 13/11/2005, bà O chết, hàng thừa kế thứ nhất của bà O gồm có cha ruột là cụ Q, chồng là ông H và 03 người con là anh Đ, anh T, chị D. Như vậy kỷ phần thừa kế bà O được nhận từ cụ Z sẽ trở thành di sản của bà O, phần di sản này không có di chúc nên được chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thứ nhất đã nêu trên, mỗi người được một phần. Ông H xác định tự nguyện giao kỷ phần thừa kế của ông cho 03 người con được quyền sở hữu, sử dụng nên ghi nhận.

- Ngày 18/12/2017, cụ Q chết, di sản của cụ Q gồm ½ tài sản nhà và đất tại thửa số 124, tờ số 03 phường XA và các kỷ phần thừa kế nhận từ cụ Z, bà O. Hàng thừa kế thứ nhất gồm có bà Y, ông Đ1, ông Đ2, bà H, ông Đ, ông Đ3. Bà O là con của cụ Q, chết trước cụ Q nên cháu (các con của bà O) được hưởng phần di sản mà bà O được hưởng nếu bà còn sống, cụ thể là hưởng 1/7 di sản của cụ Q.

Cấp sơ thẩm căn cứ Bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 1364/2022 ngày 22/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh LK và Chứng thư thẩm định giá tài sản số 88/TĐG-CT ngày 13/4/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến xác định giá trị di sản thừa kế là 16.018.000.000 đồng để chia cho các đồng thừa kế là có căn cứ và đã giải quyết.

Chia cho bà H nhận di sản thừa kế là nhà, đất tại thửa số 124, tờ số 3 phường XA và thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại gồm: bà Y, ông Đ2, ông Đ1, ông Đ và ông Đ3 mỗi người 2.316.889.285,714 đồng; thanh toán cho anh Đ4, anh T và chị D 2.116.664.285,714 đồng. Anh Đ4, anh T và chị D tự thỏa thuận phân chia đối với giá trị di sản thừa kế được nhận nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 650, 651, 652 Bộ luật dân sự để chia thừa kế cho các đương sự như đã trình bày ở trên là đúng quy định pháp luật, do đó nguyên đơn ông Trần Quang Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Đ2, Trần Quang Đ1, bà Trần Thị Ngọc Y kháng cáo cho rằng bà

Trần Thị Kiều O chỉ được hưởng thừa kế đối với phần di sản của cụ Châu Thị Z để lại là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đề nghị xem xét chia cho bà số tiền chi phí bảo quản di sản là 252.000.000 đồng, về phía ông Đ, ông Đ1, ông Đ2, bà Y không đồng ý. Xét thấy, các đồng thừa kế không có thỏa thuận giao cho bà H quản lý di sản, trong quá trình quản lý bà H không có đầu tư hay cải tạo để làm tăng giá trị di sản và bà H buôn bán, khai thác, hưởng lợi từ di sản, do đó đề nghị này của bà H là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, cấp sơ thẩm đã giải quyết nội dung tranh chấp phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà H có ý kiến, do hiện nay điều kiện kính tế của bà khó khăn, không có tiền thanh toán lại các đồng thừa kế khác nên bà đề nghị giao di sản thừa kế là nhà, đất tại thửa số 124, tờ số 3 phường XA cho người khác quản lý sử dụng, bà xin nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền, về phía ông Đ2, ông Đ1 đồng ý nhận di sản thừa kế và có trách nhiệm thanh toán lại các đồng thừa kế khác giá trị di sản là phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận và sửa bản án sơ thẩm như sau:

Chia cho ông Đ2, ông Đ1 nhận di sản thừa kế là nhà, đất tại thửa số 124, tờ số 3 phường XA và có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại gồm: bà Y, ông Đ, bà H và ông Đ3 mỗi người 2.316.889.285,714 đồng; thanh toán cho anh Đ4, anh T và chị D 2.116.664.285,714 đồng.

+ Ông Đ2 và ông Đ1 được chia thừa kế bằng hiện vật, nhằm tránh phát sinh tranh chấp, giải quyết dứt điểm vụ án, đảm bảo quyền của người được sở hữu, sử dụng nên buộc những người đang sinh sống, cư trú tại nhà số 03 tọa lạc trên thửa đất số 124, tờ bản đồ số 3 phường XA gồm: ông Trần Quang Đ3, bà Trần Lệ H, anh Trần Vĩnh N1, chị Trần Châu Thụy N2, anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Ngọc Nguyên S, cháu Nguyễn Thiên A phải di dời ra khỏi nhà và đất nêu trên để ông Đ2 và ông Đ1 thực hiện quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản được chia và ông Đ2, ông Đ1 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với tài sản được chia thừa kế theo bản án của Tòa án.

[5] Về chi phí tố tụng:

- Tại cấp sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đ tạm ứng 74.000.000 đồng chi phí thẩm định giá tài sản, 3.770.000 đồng tiền đo đất, tổng cộng là 77.770.000 đồng. Mỗi người được chia thừa kế gồm ông Đ2, ông Đ1, bà Y, bà H và ông Đ3 phải hoàn trả cho ông Đ 1/7 chi phí là 11.110.000 đồng. Riêng anh Đ4, anh T và chị D liên đới hoàn trả 1/7 chi phí, chia phần mỗi người phải hoàn trả cho ông Đính 3.703.333,333 đồng.

- Tại cấp phúc thẩm: Chi phí thu thập tài liệu chứng cứ là 3.000.000 đồng, bà

H phải chịu. (đã nộp xong)

[6] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: ông Đ1, bà Y được miễn án phí dân sự sự thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Ông Đ, ông Đ2, ông Đ3, bà H, mỗi người phải chịu 78.337.785,714 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm [72.000.000 đồng+(2%x337.785,714 đồng)]. Anh Đ4, anh T và chị D phải chịu 74.333.285,714 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm [72.000.000 đồng+(2%x116.664.285,714 đồng)], chia phần mỗi người phải chịu 24.777.761,904 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

+ Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang Đ; bị đơn bà Trần Lệ H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Đ2, Trần Quang Đ1, bà Trần Thị Ngọc Y; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào các điều 26, 35, 87, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 630, 634, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 99 Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang Đ về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Châu Thị Z.

- Di sản thừa kế của cụ Trần Văn Q và cụ Châu Thị Z là đất thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 3 phường XA, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 934517 ngày 30/9/2008 cấp cho hộ ông Trần Văn Q và căn nhà trên đất.

- Chia cho ông Trần Quang Đ2 và ông Trần Quang Đ1 được quyền sử dụng diện tích đất 206,4m^2 thuộc thửa số 124, tờ số 3 phường XA, thành phố LK và

quyền sở hữu căn nhà số 03 tọa lạc trên thửa đất (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,17,6,11,16,1 tại bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 1364/2022 ngày 22/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- chi nhánh LK).

- Buộc ông Trần Quang Đ2 và ông Trần Quang Đ1 liên đới thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế như sau:

+ Thanh toán cho bà Trần Thị Ngọc Y số tiền 2.316.889.285,714 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Thanh toán cho bà Trần Lệ H số tiền 2.316.889.285,714 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Thanh toán cho ông Trần Quang Đ số tiền 2.316.889.285,714 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Thanh toán cho ông Trần Quang Đ3 số tiền 2.316.889.285,714 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Thanh toán cho anh Trần Đ4, anh Trần Thiện T và chị Trần Thị Thùy D số tiền 2.116.664.285,714 (Hai tỷ một trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi lăm phẩy bảy trăm mười bốn) đồng.

Anh Đ4, anh T và chị D tự thỏa thuận phân chia đối với giá trị di sản thừa kế được nhận.

- Buộc ông Trần Quang Đ3, bà Trần Lệ H, anh Trần Vĩnh N1, chị Trần Châu Thụy N2, anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Ngọc Nguyên S, cháu Nguyễn Thiên A phải di dời ra khỏi căn nhà số 03 và đất thửa số 124, tờ số 03 phường XA để ông Trần Quang Đ2 và ông Trần Quang Đ1 thực hiện quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản được chia.

- Ông Trần Quang Đ2 và ông Trần Quang Đ1 có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với tài sản được chia thừa kế theo bản án của Tòa án.

+ Về chi phí tố tụng:

- Tại cấp sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đ tạm ứng 74.000.000 đồng chi phí thẩm định giá tài sản, 3.770.000 đồng tiền đo đất, tổng cộng là 77.770.000 đồng. Mỗi người được chia thừa kế gồm: ông Đ2, ông Đ1, bà Y, bà H và ông Đ3 phải hoàn trả cho ông Đ 1/7 chi phí là 11.110.000 đồng. Riêng anh Đ4, anh T và chị D liên đới

hoàn trả 1/7 chi phí, chia phần mỗi người phải hoàn trả cho ông Đ 3.703.333,333 đồng.

- Tại cấp phúc thẩm: Bà H phải chịu 3.000.000 đồng chi phí thu thập tài liệu chứng cứ. (đã nộp xong)

+ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Đ1, bà Y được miễn án phí dân sự sự thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Ông Đ, ông Đ2, ông Đ3, bà H, mỗi người phải chịu 78.337.785,714 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm [72.000.000 đồng+(2%x337.785,714 đồng)]. Anh Đ4, anh T và chị D phải chịu 74.333.285,714 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm [72.000.000 đồng+(2%x116.664.285,714 đồng)], chia phần mỗi người phải chịu 24.777.761,904 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Bà H, ông Đ2, ông Đ, ông Đ1, bà Y mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Ông Đ2 theo biên lai thu số 0005923 ngày 19/9/2022; bà H theo biên lai thu số 0005932 ngày 04/10/2022; Ông Đ theo biên lai thu số 0005922 ngày 19/9/2022; Ông Đ1 theo biên lai thu số 0005924 ngày 19/9/2022; bà Y theo biên lai thu số 0005925 ngày 19/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử		**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
(Đã ký)		(Đã ký)
Nguyễn Trung Hưng	**Ngô Thanh Sỹ**	**Võ Văn Toàn**